

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1431/TTCP-C.IV

V/v hướng dẫn triển khai báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2016

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Kế hoạch 401/KH-TTCP ngày 09 tháng 3 năm 2016 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện Dự án Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016, Tổng Thanh tra Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1426/QĐ-TTCP ngày 06 tháng 6 năm 2016 phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN năm 2016 đối với UBND cấp tỉnh. Thanh tra Chính phủ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức thu thập tài liệu và xây dựng Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2016 theo kế hoạch sau:

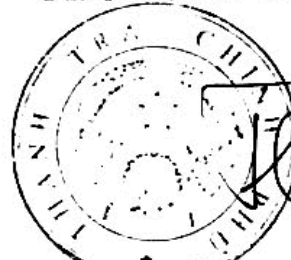
1. Nội dung báo cáo: Hướng dẫn gửi kèm.
2. Hình thức và thời hạn gửi báo cáo:
 - Báo cáo bằng văn bản gửi về Thanh tra Chính phủ, đồng thời gửi file mềm tài liệu về hộp thư điện tử: p4c4@thanhtra.gov.vn;
 - Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là 20 tháng 8 năm 2016.
3. Thanh tra Chính phủ sẽ tổ chức tập huấn, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện qua số điện thoại: 080.49043 hoặc hộp thư điện tử p4c4@thanhtra.gov.vn.

Báo cáo đánh giá công tác PCTN 2016 là nhiệm vụ quan trọng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện. /s/

Nơi nhận: /s/

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg Trương Hòa Bình (để b/c);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo TTCP;
- Cục Chống tham nhũng (để theo dõi, đôn đốc);
- Trung tâm TT (để đưa lên công TTĐT);
- Lưu: VT, C.IV (05b).

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Nguyễn Văn Thanh

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN
Báo cáo đánh giá công tác Phòng, chống tham nhũng năm 2016
(Kèm theo Công văn số 1426/QĐ-TTCP-C.IV ngày 07 tháng 6 năm 2016
của Tổng Thanh tra Chính phủ)

I. Mục đích, yêu cầu, phạm vi “Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2016”

Mục đích: Đánh giá đúng những nỗ lực của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) trong công tác PCTN, xây dựng văn hóa chống tham nhũng đồng thời nâng cao chất lượng thông tin, báo cáo công tác PCTN, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác PCTN.

Yêu cầu: Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2016 cần đánh giá định tính và định lượng kết quả công tác PCTN thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh; mỗi nội dung đánh giá đều yêu cầu phải có số liệu, tài liệu minh chứng cụ thể.

Phạm vi: Nội dung báo cáo bao gồm:

+ Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh bao gồm: các chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý do UBND tỉnh thực hiện và các chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý do cơ quan của UBND cấp tỉnh về công tác PCTN được UBND tỉnh ủy quyền hay phân cấp nhưng áp dụng đối với toàn tỉnh, thành.

+ Đánh giá hoạt động và kết quả thực hiện các quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng của UBND cấp tỉnh, cơ quan của UBND cấp tỉnh.

II. Nội dung báo cáo đánh giá

1. Khái quát tình hình chung

Phần khái quát chung cần nêu rõ được phạm vi, quy mô và những đặc điểm nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương trong năm 2016 và những chủ trương lớn trong công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) của địa phương.

2. Phần nội dung báo cáo đánh giá công tác PCTN của UBND tỉnh

Báo cáo cần được xây dựng kết hợp phản ánh định tính bằng lời văn với định lượng bằng cho điểm theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1426/QĐ-TTCP ngày 6 tháng 6 năm 2016 của Tổng Thanh tra chính phủ.

2.1 Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh đối với công tác PCTN.

Báo cáo nhằm thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về PCTN của UBND cấp tỉnh đối với tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn.

Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN.

- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền; hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về PCTN;

- Việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng;

- Việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện kỷ cương, kỷ luật hành chính, hình sự trong xử lý tham nhũng;

- Những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật trong công tác PCTN ở địa phương; Những đề xuất sửa đổi cơ chế, chính sách, pháp luật về PCTN.

Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, giáo dục PCTN và phổ biến các quy định của pháp luật về PCTN;

- Các kết quả đã thực hiện hoạt động quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN;

- Tình hình, kết quả và đánh giá việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện đề án 4061; Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện đề án 137 và chỉ thị 10/TTg và việc thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 03/CT-TW; những sáng kiến, sáng tạo trong tuyên truyền, giáo dục xây dựng xã hội trong sạch không tham nhũng;

- Đánh giá những mặt được, những bất cập, vướng mắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; những đề xuất giải pháp phát huy mặt mạnh, khắc phục hạn chế, bất cập.

Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN

Tình hình xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định pháp luật về PCTN bao gồm các nội dung đánh giá mặt tích cực và những bất cập, vướng mắc trong công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; Những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

Sơ kết, tổng kết, thực hiện công tác thông tin báo cáo về PCTN

Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo của UBND cấp tỉnh bao gồm việc thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Chính phủ (Thanh tra Chính phủ); Việc thiết lập, ban hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN ở địa phương; Việc thực hiện tổng kết 10 năm luật PCTN.

2.2 Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Báo cáo cần phải nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định pháp luật về PCTN của UBND và các cơ quan của UBND cấp tỉnh (không bao gồm các kết quả của cấp huyện).

Kết quả thực hiện một số nội dung sau:

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong đó cụ thể trên 4 lĩnh vực: đầu tư, mua sắm công, tài chính và ngân sách nhà nước, đất đai, tài nguyên và việc tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ;

- Công tác cải cách hành chính góp phần phòng ngừa tham nhũng;

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức;

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khi có dấu hiệu tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

- Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập;

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức;

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng;

- Việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực thi nhiệm vụ, công vụ;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém đồng thời kiến nghị để hoàn thiện và thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước trong doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2.3 Tình hình và kết quả thực hiện phát hiện tham nhũng

Báo cáo cần phải nêu cụ thể những hoạt động đã triển khai và kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phát hiện tham nhũng quy định tại Luật PCTN của UBND và các cơ quan của UBND cấp tỉnh (không bao gồm các kết quả của cấp huyện).

Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết tố cáo, điều tra.

Đánh giá mặt mạnh, yếu trong công tác phát hiện tham nhũng qua phân tích kết quả phát hiện tham nhũng đánh giá, đề xuất biện pháp tăng cường việc phát hiện tham nhũng.

2.4 Tình hình và kết quả thực hiện xử lý tham nhũng

Báo cáo cần phải nêu cụ thể việc thực hiện và kết quả đã đạt được theo từng biện pháp xử lý tham nhũng quy định tại Luật PCTN của UBND và các cơ quan của UBND cấp tỉnh (không bao gồm các kết quả của cấp huyện).

- Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác xử lý tham nhũng.

- Đánh giá tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra;

- Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2.5 Đánh giá chung

Khái quát về tình hình tham nhũng trên địa bàn (thông qua phân tích, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý; phản ánh của dư luận, báo chí; kết quả khảo sát, điều tra xã hội học (nếu có); Đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình tham nhũng.

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2016 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2015; Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới ở địa phương.

III. Tổ chức xây dựng báo cáo đánh giá.

Trên cơ sở các nội dung, yêu cầu báo cáo đánh giá nêu trên UBND tỉnh (thành) xây dựng kế hoạch, phân công đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm tiến hành thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu lập hồ sơ phục vụ đánh giá.

Tiến hành lập báo cáo và đánh giá bằng cách chấm điểm theo hướng dẫn đánh giá kèm theo và nộp báo cáo đánh giá về Thanh tra Chính phủ (Cục IV); giải trình hoặc cung cấp tài liệu, số liệu làm rõ theo yêu cầu của Tổ công tác đánh giá của Thanh tra Chính phủ.

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá và Phương pháp đánh giá	Thang điểm	Nguồn tài liệu chứng minh	Ghi chú		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		
I. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN		20				
1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN		5.5				
1.1.1 Ban hành văn bản chỉ đạo về công tác PCTN		1.5				
<p><i>Việc ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PCTN phải đáp ứng các yêu cầu về đầy đủ nội dung và kịp thời.</i></p> <p>1.1.1.1 Yêu cầu đầy đủ nội dung: Các nội dung chỉ đạo của UBND cấp tỉnh bao gồm và được chia thành các nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện đầy đủ các chỉ đạo của Trung ương về công tác PCTN. - Chỉ đạo của UBND tỉnh về nhiệm vụ PCTN đặt ra từ thực tế của địa phương thông qua các tài liệu tổng kết công tác PCTN năm trước; từ các kiến nghị của các cơ quan giám sát, thanh tra; từ phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và từ xử lý các tình huống phát sinh trong điều hành công tác PCTN ở địa phương trong năm. <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="323 1205 847 1272" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Mức độ hoàn thành</td> <td>Điểm số</td> </tr> </table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	1	<p>Danh mục văn bản được ban hành bởi UBND cấp tỉnh thể hiện các nội dung theo yêu cầu, thời gian từ 01/8/2015 đến tháng 31/7/2016.</p>	
Mức độ hoàn thành	Điểm số					

Có chỉ đạo đầy đủ nội dung các nội dung theo yêu cầu	1
Thiếu mỗi nội dung không có ý kiến chỉ đạo thì trừ 0.1 điểm.	- 0.1

1.1.1.2 Yêu cầu kịp thời: Được xác định bằng thời điểm ra văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh tương ứng về nội dung so với thời điểm có văn bản chỉ đạo hoặc yêu cầu của trung ương/ hoặc thời điểm có yêu cầu, kiến nghị, đề xuất của các cơ quan giám sát, thanh tra/ hoặc tình huống xuất hiện trong chỉ đạo, điều hành về PCTN của UBND tỉnh.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Tất cả các văn bản được ban hành kịp thời	0.5
Mỗi văn bản ban hành muộn từ 1 tháng trở lên sẽ trừ 0,1 điểm	-0.1

0.5

1.1.2 Ban hành chương trình, kế hoạch PCTN

2.5

1.1.2.1 Về hình thức văn bản chương trình, kế hoạch PCTN: Nếu UBND cấp tỉnh ban hành Chương trình, Kế hoạch PCTN thống nhất chung toàn tỉnh thì được 0.5 điểm. Nếu không có văn bản thống nhất chương trình, kế hoạch thống nhất của UBND tỉnh thì không tính điểm.

0.5

1.1.2.2 Về nội dung chương trình, kế hoạch PCTN: Nội dung chương trình, kế hoạch PCTN được xác định từ văn bản do UBND tỉnh ban hành thống nhất hoặc tổng hợp từ các kế hoạch thành phần do các cơ

2

- Chương trình, kế hoạch PCTN do UBND cấp tỉnh hoặc danh mục các chương trình, kế

quan của UBND tỉnh ban hành áp dụng cho toàn tỉnh, thành.

hoạch (nếu do các cơ quan của UBND cấp tỉnh ban hành).

Nội dung chương trình, kế hoạch được đánh giá theo 3 tiêu chí sau:

1.1.2.2.1 Xác định mục tiêu trong công tác PCTN đối với toàn tỉnh, thành. Yêu cầu xác định rõ các mục tiêu cần đạt được về phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; về giáo dục, tuyên truyền; về hoàn thiện thể chế quản lý phòng ngừa tham nhũng trong năm của địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
- Xác định được các mục tiêu	0.5
- Không xác định rõ mục tiêu	0

0.5

- Danh mục nhiệm vụ cụ thể được xác định trong kế hoạch

1.1.2.2.2 Xác định những nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình hình tại địa phương theo mục tiêu đã xác định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; về giáo dục, tuyên truyền; về hoàn thiện thể chế quản lý phòng ngừa tham nhũng trong năm của địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm.

Cách tính điểm như sau:

Mức độ hoàn thành	Điểm số
Xác định rõ, đầy đủ nhiệm vụ/ hoặc hoạt động cụ thể	1
Không xác định rõ các nhiệm vụ hoặc hoạt động cụ thể cho mỗi mục tiêu thì bị trừ 0.1 điểm.	-0.1

1

1.1.2.2.3 Phân công cụ thể các đơn vị thực hiện từng nhiệm vụ, hoạt động.

Việc phân công phải rõ ràng, cụ thể đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp gắn với phân phối nguồn lực tài

0.5

<p>chính thực hiện đảm bảo có thể đánh giá rõ ràng trách nhiệm thực hiện và xử lý trách nhiệm khi nhiệm vụ, hoạt động không được thực hiện hoặc thực hiện hình thức. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm.</p> <p>Cách chấm điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="316 286 831 607"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi nội dung thì trừ 0.1 điểm.</td> <td>-0.1</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.	0.5	- Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi nội dung thì trừ 0.1 điểm.	-0.1			
Mức độ hoàn thành	Điểm số								
- Phân công rõ ràng, cụ thể, đầy đủ cơ quan, đơn vị thực hiện nội dung công việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu.	0.5								
- Không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho mỗi nội dung thì trừ 0.1 điểm.	-0.1								
<p>1.1.3 Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng</p>	1.5								
<p>1.1.3.1 Ban hành chương trình, kế hoạch xây dựng thể chế</p> <p>Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội để phòng ngừa tham nhũng. Nội dung bao gồm các hoạt động xây dựng, ban hành các văn bản QPPL theo thẩm quyền của UBND tỉnh thực hiện các quy định của Trung ương, hoàn thiện các chính sách quản lý kinh tế xã hội, hoàn thiện bộ máy quản lý, PCTN của địa phương.</p> <p>Kế hoạch xây dựng thể chế được đánh giá về nội dung theo 2 tiêu chí sau:</p> <p>1.1.3.1.1 Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu và hoạt động cụ thể trong hoàn thiện thể chế về từng nội dung trong quản lý kinh tế xã hội và công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng ở địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm.</p>	0.75	Kế hoạch xây dựng thể chế do UBND cấp tỉnh ban hành hoặc danh mục các chương trình, kế hoạch (nếu do các cơ quan của UBND cấp tỉnh ban hành).							
	0.5								

Cách tính điểm như sau:									
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể trong kế hoạch.</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể trong kế hoạch.	0.5	Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.	0		
Mức độ hoàn thành	Điểm số								
Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu và hoạt động cụ thể trong kế hoạch.	0.5								
Không xác định rõ mục tiêu, hoạt động cụ thể.	0								
<p>1.1.3.1.2 Phân phối nguồn lực thực hiện: Việc phân công rõ ràng đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, kinh phí thực hiện đảm bảo có thể đánh giá rõ ràng trách nhiệm thực hiện và xử lý trách nhiệm khi nhiệm vụ, hành động không được thực hiện hoặc thực hiện hình thức. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.25 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp</td> <td>0.25</td> </tr> <tr> <td>- Không xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nguồn kinh phí thực hiện: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm</td> <td>-0.1</td> </tr> </tbody> </table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.25	- Không xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nguồn kinh phí thực hiện: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm	-0.1	0.25	
Mức độ hoàn thành	Điểm số								
- Phân công đơn vị thực hiện, kinh phí đầy đủ đối với từng hoạt động và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.25								
- Không xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, nguồn kinh phí thực hiện: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm	-0.1								
<p>1.1.3.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế</p> <p>Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch xây dựng thể chế bằng Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch xây dựng thể chế.</p>		0.75							

	<p>Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch xây dựng thể chế = $\frac{\text{Số hoạt động hoàn thành}}{\text{Tổng số hoạt động theo kế hoạch}} \times 100\%$</p> <p>Khung điểm chỉ tiêu này là 0-0.75. Cách chấm điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="502 324 837 739"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>0.75</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	0.75	Từ 60% đến dưới 80%	0.6	Từ 40% đến dưới 60%	0.5	Từ 20% đến dưới 40%	0.3	Dưới 20%	0	
Tỷ lệ	Điểm số													
Từ 80% đến 100%	0.75													
Từ 60% đến dưới 80%	0.6													
Từ 40% đến dưới 60%	0.5													
Từ 20% đến dưới 40%	0.3													
Dưới 20%	0													
	1.2 Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	6.5												
	1.2.1 Ban hành kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	2.5												
	<p>Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN của tỉnh, thành phố có thể được ban hành bởi UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan do UBND tỉnh ủy quyền hoặc tổng hợp từ các kế hoạch do các cơ quan thuộc UBND tỉnh ban hành. Nội dung kế hoạch phải bao gồm các mục tiêu, hoạt động, phân công đơn vị, phân phối nguồn lực thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh. Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN của UBND cấp tỉnh được đánh giá:</p> <p>1.2.1.1 Về hình thức: Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN được UBND cấp tỉnh ban hành bằng một văn bản chung thì sẽ được 0.5 điểm.</p> <p>1.2.1.2 Về nội dung: Nội dung Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN phải thể hiện các nội dung của Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, Công ước của</p>	<p>Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN được ban hành bởi UBND cấp tỉnh hoặc tổng hợp từ các kế hoạch của các cơ quan thuộc UBND</p> <p>0.5</p>												

<p>LHQ về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016"; Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng"; Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị "về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Nội dung Kế hoạch được đánh giá bằng 3 tiêu chí sau:</p> <p>1.2.1.2.1 Xác định mục tiêu của công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại địa phương. Trong đó, mục tiêu của công tác giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật về PCTN phù hợp với từng nhóm đối tượng được giáo dục, tuyên truyền, phổ biến là cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và các nhóm dân cư khác</p> <p>Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="331 528 831 775"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>1.2.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể: Những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể phải đảm bảo đạt được mục tiêu đề ra, phù hợp với các nội dung của Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN. Công ước của LHQ về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016"; Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng"; Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị "về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".</p> <p>Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="331 1122 820 1258"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Xác định rõ, đầy đủ các nhiệm vụ và</td> <td>1</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác	0.5	- Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ, đầy đủ các nhiệm vụ và	1	<p>2</p> <p>0.5</p> <p>1</p>	<p>cấp tỉnh.</p>
Mức độ hoàn thành	Điểm số											
- Xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác	0.5											
- Không xác định rõ, đầy đủ mục tiêu	0											
Mức độ hoàn thành	Điểm số											
- Xác định rõ, đầy đủ các nhiệm vụ và	1											

	<table border="1" data-bbox="327 136 813 300"> <tr> <td>hoạt động cụ thể</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Thiếu mỗi hoạt động cụ thể sẽ trừ 0.1 điểm</td> <td>-0.1</td> </tr> </table> <p data-bbox="231 315 1129 427">1.2.1.2.3 Phân công và Phân phối nguồn lực thực hiện: Phân công các đơn vị và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, trong đó có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sự tham gia phối hợp của các cơ quan truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.</p> <p data-bbox="231 443 887 479">Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="327 495 813 846"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm</td> <td>- 0.1</td> </tr> </tbody> </table>	hoạt động cụ thể		- Thiếu mỗi hoạt động cụ thể sẽ trừ 0.1 điểm	-0.1	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.5	- Phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm	- 0.1	0.5		
hoạt động cụ thể														
- Thiếu mỗi hoạt động cụ thể sẽ trừ 0.1 điểm	-0.1													
Mức độ hoàn thành	Điểm số													
- Phân công đầy đủ nội dung công việc và có xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp	0.5													
- Phân công các công việc cụ thể không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp: cứ 01 lỗi trừ 0.1 điểm	- 0.1													
1.2.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	3													

<p>1.2.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện đề án 4061</p> <p>Tỷ lệ hoàn thành nội dung thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN, Công ước của LHQ về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016" (Đề án 4061)</p> $\text{Tỷ lệ hoàn thành} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện}}{\text{Tổng số hoạt động trong kế hoạch}} \times 100\%$ <p>Các tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="464 501 799 920"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>0.75</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>1.2.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện đề án 137 và chỉ thị 10/TTg</p> <p>Tỷ lệ hoàn thành nội dung thực hiện Quyết định số 137/2009/QĐ-TTg ngày 02/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 137).</p> $\text{Tỷ lệ hoàn thành} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện}}{\text{Tổng số hoạt động trong kế hoạch}} \times 100\%$	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	0.75	Từ 60% đến dưới 80%	0.6	Từ 40% đến dưới 60%	0.5	Từ 20% đến dưới 40%	0.3	Dưới 20%	0	<p>0.75</p> <p>0.75</p>	<p>Biểu thống kê đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch</p>	
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% đến 100%	0.75														
Từ 60% đến dưới 80%	0.6														
Từ 40% đến dưới 60%	0.5														
Từ 20% đến dưới 40%	0.3														
Dưới 20%	0														

Các tính điểm như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	0.75
Từ 60% đến dưới 80%	0.6
Từ 40% đến dưới 60%	0.5
Từ 20% đến dưới 40%	0.3
Dưới 20%	0

0.75

1.2.2.3 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện chỉ thị 03/CT-TW

Kết quả thực hiện kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành} = \frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện}}{\text{Tổng số hoạt động trong kế hoạch}} \times 100\%$$

Cách tính điểm như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	0.75
Từ 60% đến dưới 80%	0.6
Từ 40% đến dưới 60%	0.5
Từ 20% đến dưới 40%	0.3

0.75

	Dưới 20%	0														
<p>1.2.2.4 Thực hiện các nội dung của kế hoạch tuyên truyền của địa phương ngoài các nội dung trên</p> <p>Kết quả hoàn thành nội dung kế hoạch tuyên truyền nhiệm vụ ngoài các nội dung 1.2.2.1; 1.2.2.2; 1.2.2.3</p> <p style="text-align: center;">Các hoạt động đã thực hiện</p> <p>Tỷ lệ hoàn thành = $\frac{\text{Các hoạt động đã thực hiện}}{\text{Tổng số hoạt động trong kế hoạch}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>0.75</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	0.75	Từ 60% đến dưới 80%	0.6	Từ 40% đến dưới 60%	0.5	Từ 20% đến dưới 40%	0.3	Dưới 20%	0	0.75	
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	0.75															
Từ 60% đến dưới 80%	0.6															
Từ 40% đến dưới 60%	0.5															
Từ 20% đến dưới 40%	0.3															
Dưới 20%	0															
<p>1.2.3 Tinh sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN</p>			0.5													
<p>Khuyến khích địa phương sáng tạo, vận dụng sáng kiến (VACI) trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu địa phương có sự sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN thì sẽ được tính 0.5 điểm. - Nếu không có sự sáng tạo nào thì tính điểm 0 (không). 			0.5	Tài liệu mô tả sự sáng tạo và báo cáo kết quả thực hiện nhằm chứng minh đánh giá này.												

1.2.4 Sự phối hợp với các tổ chức xã hội, đoàn thể		0.5				
<p>Khuyến khích địa phương nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN thông qua sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đoàn thể (công đoàn, phụ nữ, các hiệp hội...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu địa phương có cơ chế phối hợp và thực hiện trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN thì sẽ được tính 0.5 điểm. - Nếu không có sự phối hợp nào thì tính điểm 0 (không). 	0.5	Văn bản cụ thể chứng minh nội dung này (chương trình phối hợp và kết quả phối hợp)				
1.3 Ban hành và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN		5				
1.3.1 Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN		2				
<p>Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN tại địa phương do UBND cấp tỉnh ban hành thành kế hoạch chung hoặc tổng hợp từ kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật PCTN của các cơ quan thuộc UBND tỉnh ban hành.</p> <p>1.3.1.1 Về hình thức: Nếu kế hoạch thanh tra, kiểm tra được UBND cấp tỉnh ban hành chung trong một văn bản thì sẽ được cộng thêm 0.5 điểm.</p> <p>Nếu không có kế hoạch chung thì không được điểm ở chi tiêu này.</p> <p>1.3.1.2 Về nội dung: Đánh giá nội dung Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật công tác PCTN tại địa phương theo 3 tiêu chí:</p> <p>1.3.1.2.1 Xác định mục tiêu của kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN tại địa phương. Các mục tiêu phải phù hợp với mục tiêu chung của công tác PCTN tại địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công</td> <td>0.5</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công	0.5	0.5 1.5 0.5	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN của UBND cấp tỉnh (hoặc của các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh)
Mức độ hoàn thành	Điểm số					
- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công	0.5					

	tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm PCTN ở địa phương.										
	- Không xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm PCTN ở địa phương.	0									
	<p>1.3.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể: Kế hoạch kiểm tra, thanh tra phải xác định được danh mục, nội dung kiểm tra, thanh tra cụ thể phù hợp mục tiêu đã xác định. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p>										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="331 577 705 683">- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể</td> <td data-bbox="705 577 730 683">0.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="331 683 705 788">- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể</td> <td data-bbox="705 683 730 788">0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể	0.5	- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể	0		0.5		
Mức độ hoàn thành	Điểm số										
- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể	0.5										
- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra, kiểm tra cụ thể	0										
	<p>1.3.1.2.3 Giao các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Việc giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra phải rõ ràng, đúng thẩm quyền đảm bảo có thể đánh giá rõ ràng trách nhiệm thực hiện và xử lý trách nhiệm khi hoạt động kiểm tra, thanh tra không được thực hiện hoặc thực hiện có vi phạm.</p>										
	<p>Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p>										
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="331 1057 705 1162">- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra</td> <td data-bbox="705 1057 730 1162">0.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="331 1162 705 1267">- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.</td> <td data-bbox="705 1162 730 1267">-0.1</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra	0.5	- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.	-0.1		0.5		
Mức độ hoàn thành	Điểm số										
- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra, kiểm tra	0.5										
- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.	-0.1										

	1.3.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN	2														
	<p>1.3.2.1 Việc triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra</p> <p>Thực hiện triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm. Tiêu chí này nhằm đánh giá việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN theo kế hoạch đã được ban hành. Tiêu chí được đánh giá theo tỷ lệ tính bằng công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra trách nhiệm} = \frac{(\text{Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai})}{(\text{Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch})}$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="464 674 799 1093"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0	1	Danh mục các Quyết định thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và thanh tra kiểm tra đột xuất (nếu có).	
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	1															
Từ 60% đến dưới 80%	0.8															
Từ 40% đến dưới 60%	0.6															
Từ 20% đến dưới 40%	0.4															
Dưới 20%	0															
	<p>1.3.2.2 Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra</p> <p>Kết quả việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm. Tiêu chí này nhằm đánh giá kết quả thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN. Công thức xác định sau:</p>	1	Danh mục các kết luận thanh tra, kiểm tra.													

	<p style="text-align: center;">(Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã kế thúc)</p> <p style="text-align: center;">Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến hành thanh tra = $\frac{\text{Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã kế thúc}}{\text{(Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai theo kế hoạch)}}$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0			
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	1															
Từ 60% đến dưới 80%	0.8															
Từ 40% đến dưới 60%	0.6															
Từ 20% đến dưới 40%	0.4															
Dưới 20%	0															
1.3.3 Kết quả kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác PCTN		1														
	<p>Chỉ tiêu đánh giá kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về PCTN. Từ tổng hợp kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác PCTN tại địa phương rút ra được những tình hình, loại sai phạm trong thực hiện công tác PCTN và kiến nghị xử lý trách nhiệm, đề xuất để hoàn thiện quy định của địa phương về công tác PCTN. Chỉ tiêu cụ thể nội dung này như sau:</p> <p>- Tổng hợp các dạng, loại sai phạm trong thực hiện công tác PCTN qua thanh tra, kiểm tra. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Tổng hợp đầy đủ các dạng, loại sai</td> <td>0.5</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Tổng hợp đầy đủ các dạng, loại sai	0.5	0.5	Các kết luận thanh tra									
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
- Tổng hợp đầy đủ các dạng, loại sai	0.5															

<table border="1"> <tr> <td>phạm trong công tác PCTN ở địa phương</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </table>	phạm trong công tác PCTN ở địa phương		- Không có nội dung này	0						
phạm trong công tác PCTN ở địa phương										
- Không có nội dung này	0									
<p>- Phát hiện các sơ hở, bất cập về cơ chế tổ chức thực hiện công tác PCTN tại địa phương và đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p>										
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Chi rõ các sơ hở, bất cập và có giải pháp khắc phục hiệu quả</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Chi rõ các sơ hở, bất cập và có giải pháp khắc phục hiệu quả	0.5	- Không có nội dung này	0		0.5		
Mức độ hoàn thành	Điểm số									
- Chi rõ các sơ hở, bất cập và có giải pháp khắc phục hiệu quả	0.5									
- Không có nội dung này	0									
1.6 Sơ kết, tổng kết, thực hiện công tác thông tin báo cáo về PCTN		3								
1.6.1 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo		1.5								
<p>1.6.1.1 Thực hiện đầy đủ, kịp thời các hình thức báo cáo</p> <p>Chỉ tiêu này đo lường việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN của UBND tỉnh cho Chính phủ (qua Thanh tra Chính phủ) về PCTN. Căn cứ để tính là số báo cáo (văn bản) về công tác PCTN theo Thông tư 03/2013/TT-TTCTP ngày 10/3/2013 của Thanh tra Chính phủ, Thông tư 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ và báo cáo đột xuất khác do Chính phủ (thông qua TTCTP) yêu cầu. Cách chấm điểm:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Thực hiện đầy đủ, kịp thời toàn bộ các báo cáo.</td> <td>0.75</td> </tr> <tr> <td>- Mỗi báo cáo thiếu hoặc chậm 01</td> <td>-0.1</td> </tr> </tbody> </table>		Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Thực hiện đầy đủ, kịp thời toàn bộ các báo cáo.	0.75	- Mỗi báo cáo thiếu hoặc chậm 01	-0.1	0.75	Danh mục báo cáo về công tác PCTN theo yêu cầu của Chính phủ.	
Mức độ hoàn thành	Điểm số									
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời toàn bộ các báo cáo.	0.75									
- Mỗi báo cáo thiếu hoặc chậm 01	-0.1									

	tháng sẽ trừ 0.1 điểm										
1.6.1.2 Thực hiện đầy đủ các nội dung báo cáo Tiêu chí này đánh giá chất lượng của các báo cáo dựa trên đánh giá nội dung báo cáo theo yêu cầu, đề cương của từng báo cáo.				0.75	Danh mục báo cáo về công tác PCTN theo yêu cầu của Chính phủ.						
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Tất cả các báo cáo đã thực hiện đều đáp ứng yêu cầu theo đề cương.</td> <td>0.75</td> </tr> <tr> <td>- Mỗi báo cáo thiếu hoặc không đáp ứng yêu cầu của báo cáo đến 70% thì trừ -0.1 điểm.</td> <td>- 0.1</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Tất cả các báo cáo đã thực hiện đều đáp ứng yêu cầu theo đề cương.	0.75	- Mỗi báo cáo thiếu hoặc không đáp ứng yêu cầu của báo cáo đến 70% thì trừ -0.1 điểm.	- 0.1				
Mức độ hoàn thành	Điểm số										
- Tất cả các báo cáo đã thực hiện đều đáp ứng yêu cầu theo đề cương.	0.75										
- Mỗi báo cáo thiếu hoặc không đáp ứng yêu cầu của báo cáo đến 70% thì trừ -0.1 điểm.	- 0.1										
1.6.2 Ban hành chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương				0.5							
Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong việc thiết lập và kỷ luật thông tin, báo cáo về PCTN ở địa phương.				0.5	Văn bản của UBND cấp tỉnh ban hành có chứa nội dung để chứng minh đánh giá này.						
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Có ban hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN.</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Không có chế độ thông tin, báo cáo về PCTN..</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Có ban hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN.	0.5	- Không có chế độ thông tin, báo cáo về PCTN..	0				
Mức độ hoàn thành	Điểm số										
- Có ban hành chế độ thông tin, báo cáo về PCTN.	0.5										
- Không có chế độ thông tin, báo cáo về PCTN..	0										
1.6.3 Tổng kết 10 năm luật PCTN				1							
Điểm số này được quy đổi từ Tiêu chí tự chấm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tổng kết 10 năm thực luật PCTN (Đã được tính tại Kế hoạch Tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN của Ban chỉ đạo				1	Báo cáo Tổng kết thực hiện 10 năm						

<p>Tổng kết)</p> <p>Điểm số = Điểm số đánh giá mức độ hoàn thiện x1/100</p> <p>Ví dụ: Điểm tự chấm điểm đánh giá mức độ hoàn thiện nhiệm vụ tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN tỉnh A được 80 điểm.</p> <p>Điểm quy đổi là $80 \times 1/100 = 0.8$ điểm.</p>	Luật PCTN	
--	-----------	--

<p>2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA</p>	30	
<p>2.1 Việc thực hiện Công khai minh bạch</p> <p>Luật Phòng, chống tham nhũng cũng quy định, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và các nội dung khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>Theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật tiếp cận thông tin thì có 5 hình thức công khai bao gồm: công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa lên trang thông tin điện tử; Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; Đồng thời, Luật cũng quy định, ngoài những trường pháp luật có quy định về hình thức công khai, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai ở trên. Nội dung công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (từ Điều 13 đến Điều 33, Luật Phòng, chống tham nhũng). Nội dung công khai thông tin phải đầy đủ, kịp thời, dễ dàng tiếp cận và khai thác với từng đối tượng chịu ảnh hưởng bởi thông tin đó.</p> <p>Đối với thông tin được công khai trên cổng thông tin điện tử phải bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử, phải được số hóa trong một thời hạn thích hợp và được để mở cho mọi người tiếp cận; đồng thời, phải kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc để có thể truy cập dễ dàng từ các hệ thống khác nhau. Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của UBND tỉnh phải được liên kết, tích hợp với cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các cơ quan trực thuộc để cập nhật thông tin, tạo thuận lợi cho công dân trong việc tìm kiếm, khai thác thông tin.</p>	6	

2.1.1 Thực hiện công khai chính sách pháp luật theo quy định	I														
<p>Công khai chính sách, pháp luật thuộc 19 lĩnh vực phải công khai theo quy định tại điều Mục 1 Chương II về việc Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ của Luật PCTN. Tỷ lệ chính sách pháp luật được công khai được tính bằng</p> $\text{Tỷ lệ chính sách pháp luật được công khai} = \frac{\text{Số nhóm danh mục văn bản đã công khai của từng lĩnh vực}}{19 \text{ lĩnh vực}} \times 100\%$ <table border="1" data-bbox="432 589 770 1003"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>+ Điểm cộng: thông tin công khai trên công thông tin điện tử</p> $\text{Tỷ lệ thông tin công khai trên công thông tin điện tử} = \frac{\text{Số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên công thông tin điện tử của tỉnh}}{\text{Tổng số danh mục đã công khai.}} \times 100\%$	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0	<p>0.5</p> <p>0.5</p>	<p>Danh mục các văn bản công khai được phân theo nhóm chính sách phải công khai theo quy định.</p> <p>Đề nghị đưa danh sách các đường dẫn hoặc cách thức truy cập thông tin đã công khai trên mạng.</p>	
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% trở lên	0.5														
Từ 60% đến dưới 80%	0.4														
Từ 40% đến dưới 60%	0.3														
Từ 20% đến dưới 40%	0.2														
Dưới 20%	0														

	Tỷ lệ	Điểm số		
	Từ 80% trở lên	0.5		
	Từ 60% đến dưới 80%	0.4		
	Từ 40% đến dưới 60%	0.3		
	Từ 20% đến dưới 40%	0.2		
	Dưới 20%	0		
2.1.2 Công khai minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm 2016			4	
2.1.2.1 Việc công khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực Đầu tư, mua sắm công mà UBND cấp tỉnh là Chủ đầu tư và Chủ quản đầu tư (đề nghị cung cấp thông tin hoặc dẫn chiếu có liên quan đến việc công khai thông tin):			1	
- Quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn (bao gồm vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công)	0.25		Danh mục quy hoạch, chương trình đầu tư trên địa bàn, thời gian thực hiện	
- Danh mục dự án trên địa bàn (bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm); báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;	0.25		Danh mục dự án trên địa bàn mà UBND cấp tỉnh trực tiếp là Chủ đầu tư hoặc chủ quản đầu tư	
- Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư	0.25		Các báo cáo tình	

<p>Đối với mỗi nội dung trên nếu CÓ được 0.25 điểm và nếu KHÔNG sẽ được 0 điểm. + Điểm cộng: - Tỷ lệ Số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên cổng thông tin điện tử của tỉnh/ Tổng số danh mục đã công khai.</p> <table border="1" data-bbox="424 427 762 846"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.25</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.20</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.15</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.1</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.25	Từ 60% đến dưới 80%	0.20	Từ 40% đến dưới 60%	0.15	Từ 20% đến dưới 40%	0.1	Dưới 20%	0	0.25	hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư Đề nghị đưa danh sách các đường dẫn hoặc cách thức truy cập thông tin đã công khai
Tỷ lệ	Điểm số													
Từ 80% trở lên	0.25													
Từ 60% đến dưới 80%	0.20													
Từ 40% đến dưới 60%	0.15													
Từ 20% đến dưới 40%	0.1													
Dưới 20%	0													
<p>2.1.2.2 Công khai trong lĩnh vực Tài chính và ngân sách nhà nước</p>	1													
<p>Việc công khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực Tài chính ngân sách cấp tỉnh (Đề nghị cung cấp thông tin hoặc dẫn chiếu có liên quan đến việc công khai thông tin):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số liệu dự toán ngân sách, dự toán kinh phí của các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh năm 2016 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai đảm bảo đúng quy định - Số liệu quyết toán ngân sách cấp tỉnh, quyết toán chi của các đơn vị dự toán chi của 2015, 2014; 	0.25 0.25	Quyết định công bố số liệu dự toán và dự toán kinh phí của các cơ quan thuộc UBND tỉnh năm 2016 (kể cả ngân sách bổ sung) được công khai Kế khai theo mẫu số 10/CKTC-												

- Kết quả kiểm toán ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với cấp tỉnh (nếu có);

Đối với mỗi nội dung trên nếu CÓ được 0.25 điểm và nếu KHÔNG sẽ được 0 điểm.

+ **Điểm cộng:** Thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử

$$\text{Tỷ lệ thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử} = \frac{\text{Số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên cổng thông tin điện tử của tỉnh}}{\text{Tổng số danh mục đã công khai.}} \times 100\%$$

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% trở lên	0.25
Từ 60% đến dưới 80%	0.20
Từ 40% đến dưới 60%	0.15
Từ 20% đến dưới 40%	0.1
Dưới 20%	0

NSDP của Thông tư số 03/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính về công khai ngân sách địa phương

0.25 Báo cáo kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kiến nghị

Đề nghị đưa danh sách các đường dẫn hoặc cách thức truy cập thông tin đã công khai

0.25

2.1.2.3 Công khai trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên:	1											
<p>Việc công khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực đất đai, tài nguyên thuộc thẩm quyền cấp tỉnh quản lý (Đề nghị cung cấp thông tin hoặc dẫn chiếu có liên quan đến việc công khai thông tin).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khoáng sản trên địa bàn - Kế hoạch, kết quả giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất - Kế hoạch, kết quả thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư - Kế hoạch, kết quả đấu giá quyền khai thác tài nguyên khoáng sản và các khoản thu ngân sách từ khoáng sản <p>Đối với mỗi nội dung trên nếu CÓ được 0.2 điểm và nếu KHÔNG sẽ được 0 điểm + Điểm cộng: thông tin công khai trên công thông tin điện tử</p> <p>Tỷ lệ thông tin công khai trên công thông tin điện tử = $\frac{\text{Số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên công thông tin điện tử của tỉnh}}{\text{Tổng số danh mục đã công khai.}} \times 100\%$</p> <table border="1" data-bbox="391 884 726 1220"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.17</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.15</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.1</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.2	Từ 60% đến dưới 80%	0.17	Từ 40% đến dưới 60%	0.15	Từ 20% đến dưới 40%	0.1	<p>0.2</p> <p>0.2</p> <p>0.2</p> <p>0.2</p> <p>0.2</p>	<p>Danh mục các quyết định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao, khoán, cho thuê đất, Báo cáo việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch của sử dụng đất của UBND tỉnh được công khai.</p> <p>Đề nghị đưa danh sách các đường dẫn hoặc cách thức truy cập thông tin đã công khai</p>
Tỷ lệ	Điểm số											
Từ 80% trở lên	0.2											
Từ 60% đến dưới 80%	0.17											
Từ 40% đến dưới 60%	0.15											
Từ 20% đến dưới 40%	0.1											

Dưới 20%	0		
<p>Ví dụ: Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành 50 quyết định có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và đã công khai 40 quyết định này trong đó sở TNMT đã đăng (toàn văn) công khai trên mạng 30 quyết định thì điểm số được tính bằng $30/40 \times 100\% = 75\%$. Điểm quy đổi của UBND tỉnh ở nội dung này là 0.17 điểm</p>			
2.1.2.4 Công tác cán bộ		1	
<p>Việc công khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực Tổ chức cán bộ (Đề nghị cung cấp thông tin hoặc dẫn chiếu có liên quan đến việc công khai thông tin):</p>			<p>Chỉ tiêu biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Thông báo tuyển dụng; Danh mục Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.</p>
<p>- Công khai chỉ tiêu biên chế hàng năm của từng đơn vị trong tỉnh, thành phố;</p>		0.25	
<p>- Việc công khai thông tin tuyển dụng, Quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ hàng năm (bao gồm các hoạt động, kết quả);</p>		0.25	
<p>- Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm của tỉnh; - Công khai việc luân chuyển, bổ nhiệm, điều động CBCC.</p>		0.25	
<p>Đối với mỗi nội dung trên nếu CÓ được 0.25 điểm và nếu KHÔNG sẽ được 0 điểm.</p>			
<p>+ Điểm cộng:</p>			
<p>Nội dung này nhằm khuyến khích việc đăng tải thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử</p>			<p>Đề nghị đưa danh sách các đường dẫn hoặc cách thức truy cập thông tin đã công khai</p>
<p>Tỷ lệ thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử</p>	$= \frac{\text{Số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên cổng thông tin điện tử của tỉnh}}{\text{Tổng số danh mục đã công khai.}} \times 100\%$	0.25	

	<table border="1"> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.25</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.20</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.15</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.1</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.25	Từ 60% đến dưới 80%	0.20	Từ 40% đến dưới 60%	0.15	Từ 20% đến dưới 40%	0.1	Dưới 20%	0			
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% trở lên	0.25															
Từ 60% đến dưới 80%	0.20															
Từ 40% đến dưới 60%	0.15															
Từ 20% đến dưới 40%	0.1															
Dưới 20%	0															
2.1.3 Việc kiểm tra, thanh tra về công khai, minh bạch		1														
<p>2.1.3.1 Việc thực hiện kiểm tra quy định về công khai, minh bạch Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch</p> <p>Tỷ lệ kiểm tra về quy về công khai, minh bạch = $\frac{\text{Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </table>		Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0	0.5	Danh sách các đơn vị được kiểm tra và danh mục quyết định thực hiện việc kiểm tra	
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% trở lên	0.5															
Từ 60% đến dưới 80%	0.4															
Từ 40% đến dưới 60%	0.3															
Từ 20% đến dưới 40%	0.2															
Dưới 20%	0															

<p>2.1.3.2 <i>Kết quả việc kiểm tra quy định về công khai, minh bạch</i></p> <p>Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch có vi phạm</p> <p>Tỷ lệ kết quả kiểm tra về quy về công khai, minh bạch = $\frac{\text{Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch có vi phạm}}{\text{Tổng số đơn vị được kiểm tra}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="403 421 738 835"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0	<p>Danh sách các đơn vị có vi phạm, loại vi phạm, kiến nghị xử lý, hình thức xử lý</p> <p>0.5</p>	
Tỷ lệ	Điểm số													
Từ 80% trở lên	0.5													
Từ 60% đến dưới 80%	0.4													
Từ 40% đến dưới 60%	0.3													
Từ 20% đến dưới 40%	0.2													
Dưới 20%	0													
<p>2.2 Cải cách hành chính</p>	<p>6</p>													
<p>Điểm số cải cách hành chính được quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố PAR index năm trước theo công thức sau: Điểm số cải cách hành chính = (Điểm số xếp hạng năm trước x 6)/100.</p> <p><i>Ví dụ: Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 của tỉnh A (PAR Index) do Bộ Nội vụ đánh giá là 75 điểm thì Điểm quy đổi được tính theo công thức:</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điểm cải cách hành chính = 75x6/100= 4.5 điểm</i></p>	<p>6</p>													
<p>2.3 Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp</p>	<p>3</p>													

2.3.1 Việc xây dựng, ban hành Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp	1												
<p>Nội dung này nhằm đánh giá việc thực hiện quy tắc ứng xử theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="277 286 772 577"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng</td> <td style="text-align: center;">1</td> </tr> <tr> <td>Không ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng</td> <td style="text-align: center;">0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng	1	Không ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng	0		Quyết định công khai					
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Có ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng	1												
Không ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện quy tắc ứng	0												
2.3.2 Việc thực hiện kiểm tra về quy tắc đạo đức ứng xử	1												
<p>Nội dung này nhằm đánh giá việc kiểm tra các quy tắc về đạo đức ứng xử của địa phương</p> <p>Tỷ lệ kiểm tra về quy tắc đạo đức ứng xử = $\frac{\text{Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về quy tắc, đạo đức ứng xử}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="411 869 746 1216"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td style="text-align: center;">1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td style="text-align: center;">0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td style="text-align: center;">0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td style="text-align: center;">0.4</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	1	Danh sách các đơn vị được kiểm tra và danh mục quyết định thực hiện việc kiểm tra	
Tỷ lệ	Điểm số												
Từ 80% trở lên	1												
Từ 60% đến dưới 80%	0.8												
Từ 40% đến dưới 60%	0.6												
Từ 20% đến dưới 40%	0.4												

	Dưới 20%	0															
2.3.3 Việc phát hiện sai phạm về thực hiện quy tắc ứng xử có cán bộ, công chức, viên chức			1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả kiểm tra các quy tắc về đạo đức ứng xử của địa phương</p> <p>Tỷ lệ phát hiện sai phạm về thực hiện quy tắc ứng xử có cán bộ, công chức, viên chức = $\frac{\text{Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về quy tắc, đạo đức ứng xử phát hiện sai phạm}}{\text{Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra}} \times 100\%$</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0	1	Danh sách các đơn vị có vi phạm, loại vi phạm, kiến nghị xử lý, hình thức xử lý	
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	1																
Từ 60% đến dưới 80%	0.8																
Từ 40% đến dưới 60%	0.6																
Từ 20% đến dưới 40%	0.4																
Dưới 20%	0																
2.4 Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức			3														
2.4.1 Việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn			1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá việc xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của địa phương</p> <p>Kết quả xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí = $\frac{\text{Số đơn vị có kế hoạch thực hiện chuyển đổi trong năm}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p>			1	Danh mục các đơn vị có kế hoạch thực hiện chuyển đổi													

<p>công tác trên địa bàn</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="403 248 743 672"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0			
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% trở lên	1														
Từ 60% đến dưới 80%	0.8														
Từ 40% đến dưới 60%	0.6														
Từ 20% đến dưới 40%	0.4														
Dưới 20%	0														
<p>2.4.2 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác</p>		1													
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả chuyển đổi vị trí công tác của địa phương:</p> $\frac{\text{Tỷ lệ số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác}}{\text{Số cán bộ, công chức, viên chức đã được chuyển đổi vị trí công tác}} = \frac{\text{Số cán bộ, công chức, viên chức đã được chuyển đổi vị trí công tác}}{\text{Tổng số cán bộ, công chức, viên chức phải chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="403 994 743 1274"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> </tbody> </table>		Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	1	<p>Thống kê số liệu cụ thể</p>				
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% trở lên	1														
Từ 60% đến dưới 80%	0.8														
Từ 40% đến dưới 60%	0.6														

	Từ 20% đến dưới 40%	0.4															
	Dưới 20%	0															
2.4.3 Việc thanh tra, kiểm tra về việc chuyển đổi vị trí công tác			1														
<p>2.4.3.1 Việc thực hiện thanh tra về chuyển đổi vị trí công tác: Nội dung này nhằm đánh giá kết quả thanh tra việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của địa phương.</p> <p>Tỷ lệ thực hiện thanh tra về chuyển đổi vị trí công tác = $\frac{\text{Số cơ quan được kiểm tra về việc thực hiện các quy định về chuyển đổi vị trí công tác}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0	0.5	Danh sách các đơn vị được kiểm tra và danh mục quyết định thực hiện việc kiểm tra	
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	0.5																
Từ 60% đến dưới 80%	0.4																
Từ 40% đến dưới 60%	0.3																
Từ 20% đến dưới 40%	0.2																
Dưới 20%	0																

<p>2.4.3.2 <i>Kết quả thực hiện thanh tra về chuyển đổi vị trí công tác</i> Nội dung này nhằm đánh giá kết quả thanh tra việc chuyển đổi vị trí công tác của địa phương</p> <p><i>Tỷ lệ kết quả việc thực hiện thanh tra về chuyển đổi vị trí công tác</i> = $\frac{\text{Số cơ quan vi phạm các quy định về chuyển đổi vị trí công tác}}{\text{Tổng số đơn vị, cơ quan được kiểm tra}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="400 389 738 808"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0	0.5	Danh sách các đơn vị có vi phạm, loại vi phạm, kiến nghị xử lý, hình thức xử lý	
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% đến 100%	0.5														
Từ 60% đến dưới 80%	0.4														
Từ 40% đến dưới 60%	0.3														
Từ 20% đến dưới 40%	0.2														
Dưới 20%	0														
<p>2.5 Minh bạch tài sản, thu nhập</p>	5														
<p>2.5.1 Việc triển khai thực hiện</p>	1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, văn bản hướng dẫn, đôn đốc việc kê khai tài sản trong năm 2015. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="272 1037 767 1249"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có ban hành văn bản</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Không ban hành văn bản</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có ban hành văn bản	1	Không ban hành văn bản	0	1	Danh sách đơn vị thực hiện theo bảng kèm theo							
Mức độ hoàn thành	Điểm số														
Có ban hành văn bản	1														
Không ban hành văn bản	0														

2.5.2 Kết quả kê khai tài sản, thu nhập	1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả thực hiện việc kê khai, tài sản, thu nhập của địa phương</p> $\text{Tỷ lệ kê khai tài sản, thu nhập của địa phương} = \frac{\text{Số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập}}{\text{Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="392 472 724 887"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0	1		
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% đến 100%	1														
Từ 60% đến dưới 80%	0.8														
Từ 40% đến dưới 60%	0.6														
Từ 20% đến dưới 40%	0.4														
Dưới 20%	0														
2.5.3 Việc công khai bản kê khai	1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của địa phương.</p> $\text{Tỷ lệ công khai bản kê khai} = \frac{\text{Số bản kê khai tài sản thu nhập đã công khai}}{\text{Tổng số bản đã kê khai tài sản thu nhập}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="392 1173 724 1243"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số			1										
Tỷ lệ	Điểm số														

	Từ 80% đến 100%	1			
	Từ 60% đến dưới 80%	0.8			
	Từ 40% đến dưới 60%	0.6			
	Từ 20% đến dưới 40%	0.4			
	Dưới 20%	0			
2.5.4 Kết quả xác minh			2		
<p>2.5.4.1 Việc xác minh bản kê khai Nội dung này nhằm đánh giá việc xác minh bản kê khai tài sản, thu nhập của địa phương</p> <p>Tỷ lệ xác minh bản kê khai tài sản, thu nhập = $\frac{\text{Số cán bộ, công chức, viên chức đã kê khai tài sản, thu nhập được xác minh}}{\text{Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đã kê khai tài sản, thu nhập}}$</p>			1		
	Tỷ lệ	Điểm số			
	Trên 5%	1			
	Từ 4% đến dưới 5%	0.8			
	Từ 3% đến dưới 4%	0.6			
	Từ 2% đến 3%	0.4			
	Từ 1% đến 2%	0.2			
	Dưới 1%	0			

<p>2.5.4.2 Kết quả xác minh bản kê khai Nội dung này nhằm đánh giá kết quả xác minh bản kê khai tài sản, thu nhập của địa phương.</p> <p>Tỷ lệ phát hiện qua xác minh bản kê khai tài sản, thu nhập = $\frac{\text{Số cán bộ, công chức, viên chức bị kết luận kê khai tài sản, thu nhập không trung thực}}{\text{Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đã kê khai tài sản, thu nhập được xác minh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="391 465 724 880"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0	1		
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% đến 100%	1														
Từ 60% đến dưới 80%	0.8														
Từ 40% đến dưới 60%	0.6														
Từ 20% đến dưới 40%	0.4														
Dưới 20%	0														
<p>2.6 Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</p>	3														
<p>2.6.1 Việc thống kê các danh mục về chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định</p>	1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá việc UBND cấp tỉnh thực hiện việc thống kê các danh mục về chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="263 1093 754 1236"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có thông kê</td> <td>1</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có thông kê	1	1	Danh sách đơn vị thực hiện theo bảng kèm theo									
Mức độ hoàn thành	Điểm số														
Có thông kê	1														

	Không thống kê	0															
2.6.2 Việc kiểm tra thực hiện các quy định về định mức tiêu chuẩn			1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá việc kiểm tra thực hiện các quy định về định mức tiêu chuẩn của địa phương</p> <p>Tỷ lệ kiểm tra thực hiện các quy định về định mức tiêu chuẩn = $\frac{\text{Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức tiêu chuẩn}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0	1	Danh sách các đơn vị được kiểm tra và danh mục quyết định thực hiện việc kiểm tra(Theo biểu II.2)	
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% đến 100%	1																
Từ 60% đến dưới 80%	0.8																
Từ 40% đến dưới 60%	0.6																
Từ 20% đến dưới 40%	0.4																
Dưới 20%	0																
2.6.3 Việc phát hiện sai phạm về định mức tiêu chuẩn của các đơn vị			1														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện các quy định về định mức tiêu chuẩn của địa phương</p> <p>Tỷ lệ phát hiện sai phạm về định mức tiêu chuẩn của các đơn vị = $\frac{\text{Số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức tiêu chuẩn có vi phạm}}{\text{Tổng số cơ quan được kiểm tra}} \times 100\%$</p>			1	Danh sách các đơn vị có vi phạm, loại vi phạm, kiến nghị xử lý, hình thức xử lý													

	Tỷ lệ	Điểm số			
	Từ 80% trở lên	1			
	Từ 60% đến dưới 80%	0.8			
	Từ 40% đến dưới 60%	0.6			
	Từ 20% đến dưới 40%	0.4			
	Dưới 20%	0			
2.7 Việc nộp lại quà tặng và tặng quà			3		
2.7.1 Việc kiểm tra thực hiện các quy định về nộp lại quà tặng và tặng quà			1.5		
<p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện các quy định về nộp lại quà tặng và tặng quà của địa phương.</p> <p>Tỷ lệ kiểm tra thực hiện các quy định về nộp lại quà tặng và tặng quà = $\frac{\text{Số đơn vị được kiểm tra việc thực hiện tặng quà, nhận quà}}{\text{Tổng số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p>			1.5	Danh sách các đơn vị được kiểm tra và danh mục quyết định thực hiện việc kiểm tra	
	Tỷ lệ	Điểm số			
	Từ 80% trở lên	1.5			
	Từ 60% đến dưới 80%	0.1			
	Từ 40% đến dưới 60%	0.7			
	Từ 20% đến dưới 40%	0.5			

	Dưới 20%	0															
2.7.2 Việc phát hiện sai phạm về nộp lại quà tặng và tặng quà			1.5														
<p>Tỷ lệ sai phạm về nộp lại quà tặng và tặng quà = $\frac{\text{Số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước quà, nhận quà sai quy định}}{\text{Tổng số đơn vị được kiểm tra việc tặng quà, nhận quà}} \times 100\%$</p> <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.1</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.7</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.1	Từ 40% đến dưới 60%	0.7	Từ 20% đến dưới 40%	0.5	Dưới 20%	0	1.5	Danh sách các đơn vị có vi phạm, loại vi phạm, kiến nghị xử lý, hình thức xử lý	
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	1.5																
Từ 60% đến dưới 80%	0.1																
Từ 40% đến dưới 60%	0.7																
Từ 20% đến dưới 40%	0.5																
Dưới 20%	0																

3. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG			25		
3.1 Phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác tự kiểm tra nội bộ			3		
3.1.1 Ban hành kế hoạch tự kiểm tra nội bộ			1		
	<i>Các cơ quan của UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch tự kiểm tra nội bộ về công tác PCTN.</i>				
	Nội dung này nhằm khuyến khích các cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh chủ động trong công tác tự		1		

kiểm tra nội bộ để phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Nội dung này được đánh giá như sau:

$$\text{Tỷ lệ các cơ quan ban hành kế hoạch tự kiểm tra nội bộ} = \frac{\text{Số các cơ quan ban hành kế hoạch kiểm tra nội bộ}}{\text{Tổng số các cơ quan thuộc UBND tỉnh}} \times 100\%$$

Cách tính điểm như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	1
Từ 60% đến dưới 80%	0.8
Từ 40% đến dưới 60%	0.6
Từ 20% đến dưới 40%	0.4
Dưới 20%	0

Ví dụ: UBND tỉnh X có 21 cơ quan trực thuộc, trong đó có 15 cơ quan có kế hoạch tự kiểm tra nội bộ về công tác PCTN trong năm 2015. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành các nội dung} = \frac{15}{21} \times 100\% = 71.43\%$$

Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 0.8 điểm ở nội dung này.

3.1.2 Kết quả thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ

2

Kết quả thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ.

Nội dung này nhằm đánh giá kết quả triển khai các cuộc tự kiểm tra nội bộ việc thực hiện pháp luật về PCTN, được đánh giá theo tỷ lệ tính bằng công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ phát hiện vụ việc tham nhũng qua công tác tự kiểm tra nội bộ} = \frac{\text{Số vụ/việc tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra nội bộ}}{\text{Tổng số cuộc kiểm tra nội bộ đã thực hiện}}$$

Tỷ lệ phát hiện vụ việc tham nhũng thông qua các cuộc tự kiểm tra nội bộ về công tác PCTN được đánh giá và chấm điểm theo tỷ lệ tương ứng như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 0.8 đến 1	2
Từ 0.6 đến dưới 0,8	1.5
Từ 0.4 đến dưới 0.6	1
Từ 0.2 đến dưới 0.4	0.5
Dưới 0.2	0

Ví dụ: UBND tỉnh Y có 200 cuộc tự kiểm tra nội bộ về công tác PCTN, số vụ việc tham nhũng phát hiện qua công tác tự kiểm tra nội bộ là 23 vụ việc. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành các nội dung} = \frac{43}{200} = 0.22$$

Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 0.5 điểm ở nội dung này.

2

3.2 Phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác thanh tra	8												
3.2.1 Ban hành kế hoạch thanh tra	2												
<p>Kế hoạch thanh tra hành chính tại địa phương do UBND cấp tỉnh ban hành thành kế hoạch chung hoặc tổng hợp từ kế hoạch thanh tra của các cơ quan của UBND cấp tỉnh ban hành đối với các đối tượng trong toàn tỉnh, thành phố. Kế hoạch thanh tra hành chính cần thỏa mãn các yêu cầu sau đây:</p> <p>3.2.1.1 Về hình thức: Nếu kế hoạch thanh tra được UBND cấp tỉnh ban hành chung trong một văn bản thì sẽ được cộng thêm 0.5 điểm. Nếu không có kế hoạch chung thì không được điểm ở chi tiêu này.</p> <p>3.2.1.2 Về nội dung: Đánh giá nội dung kế hoạch thanh tra hành chính tại địa phương theo 3 tiêu chí:</p> <p>3.2.1.2.1 Xác định mục tiêu của kế hoạch thanh tra hành chính tại địa phương.</p> <p>Các mục tiêu phải gắn với mục tiêu chung của công tác PCTN tại địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.5 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="343 734 986 945"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>- Không xác định rõ mục tiêu cụ thể</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>3.2.1.2.2 Xác định những nhiệm vụ và hoạt động cụ thể</p> <p>Kế hoạch thanh tra phải xác định được danh mục, nội dung thanh tra cụ thể phù hợp mục tiêu đã xác định. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.75 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="343 1102 986 1238"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể</td> <td>0.75</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác	0.5	- Không xác định rõ mục tiêu cụ thể	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể	0.75	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.75</p>	<p>Kế hoạch thanh tra về PCTN của UBND cấp tỉnh (hoặc của các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh)</p>	
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
- Xác định rõ các mục tiêu cụ thể cho từng nhóm công tác	0.5												
- Không xác định rõ mục tiêu cụ thể	0												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
- Xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể	0.75												

<table border="1"> <tr> <td>- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể</td> <td>0</td> </tr> </table>	- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể	0									
- Không xác định rõ các nội dung, cuộc thanh tra cụ thể	0										
<p>3.2.1.2.3 Giao các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ cụ thể</p> <p>Việc giao nhiệm vụ thanh tra phải rõ ràng, đúng thẩm quyền đảm bảo có thể đánh giá rõ ràng trách nhiệm thực hiện và xử lý trách nhiệm khi hoạt động thanh tra không được thực hiện hoặc thực hiện có vi phạm.</p> <p>Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 0.25 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="343 472 976 824"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra.</td> <td>0.25</td> </tr> <tr> <td>- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.</td> <td>-0.1</td> </tr> <tr> <td>- Không phân công cụ thể</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra.	0.25	- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.	-0.1	- Không phân công cụ thể	0	0.25		
Mức độ hoàn thành	Điểm số										
- Giao nhiệm vụ đầy đủ, rõ ràng thực hiện nội dung thanh tra.	0.25										
- Mỗi nội dung/cuộc không xác định đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trừ 0.1 điểm.	-0.1										
- Không phân công cụ thể	0										
3.2.2 Kết quả thực hiện công tác thanh tra		6									
<p>3.2.2.2 Kết quả thực hiện các cuộc thanh tra hành chính</p> <p>Kết quả việc triển khai các cuộc thanh tra hành chính. Chỉ tiêu này nhằm đánh giá kết quả triển khai các cuộc thanh theo kế hoạch các cuộc thanh tra đã được ban hành. Chỉ tiêu này được đánh giá theo tỷ lệ tính bằng công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến hành các cuộc thanh tra} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra đã triển khai}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p>	2	Các kết luận thanh tra									

		Tỷ lệ	Điểm số		
		Từ 80% đến 100%	2		
		Từ 60% đến dưới 80%	1.6		
		Từ 40% đến dưới 60%	1.2		
		Từ 20% đến dưới 40%	0.8		
		Dưới 20%	0		
<p><i>Ví dụ:</i> Trong năm 2016, UBND cấp tỉnh đã hoàn thành và ban hành kết luận 14/18 cuộc thanh tra đúng hạn theo quy định (có thể có các cuộc thanh tra triển khai từ năm 2014 nhưng kết thúc trong năm 2016) thì điểm số được tính như sau:</p> $\text{Tỷ lệ hoàn thành các nội dung} = \frac{14}{18} \times 100\% = 77.78\%$ <p>Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt 1.6 điểm ở nội dung này.</p>					
<p>3.2.2.3 Kết quả thực hiện triển khai các cuộc thanh tra</p> <p>Tiêu chí này nhằm đánh giá kết quả các cuộc thanh tra hành chính đã được triển khai nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Tiêu chí được đánh giá theo tỷ lệ tính bằng công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ phát hiện vụ việc tham nhũng qua công tác thanh tra} = \frac{\text{Số vụ việc tham nhũng phát hiện được}}{\text{Tổng số cuộc thanh tra đã triển khai}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p>				2	Các kết luận thanh tra

	Tỷ lệ	Điểm số			
	Từ 80% đến 100%	2			
	Từ 60% đến dưới 80%	1.6			
	Từ 40% đến dưới 60%	1.2			
	Từ 20% đến dưới 40%	0.8			
	Dưới 20%	0			
<p><i>Ví dụ:</i> UBND tỉnh A có 20 cuộc thanh tra hành chính đã kết thúc và ban hành kết luận, số vụ việc tham nhũng phát hiện qua 20 cuộc thanh tra hành chính đó là 4 vụ việc. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:</p> $\text{Tỷ lệ hoàn thành các nội dung} = \frac{4}{20} \times 100\% = 20\%$ <p>Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 0.8 điểm ở nội dung này.</p>					
<p>3.2.2.4 Kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện cơ chế, chính sách</p> <p>Nội dung này nhằm đánh giá hiệu quả của công tác thanh tra hành chính. Từ những kết quả sau các cuộc thanh tra hành chính, địa phương có những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội từ thực tiễn địa phương nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng. Để chấm điểm tiêu chí này, các kiến nghị, đề xuất phải thỏa mãn được các nội dung sau:</p> <p>3.2.2.4.1 Tổng hợp các dạng, loại sai phạm trong quản lý qua công tác thanh tra trong năm. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p>			2	Các kết luận thanh tra	
			1		

	<table border="1" data-bbox="347 103 839 315"> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> <tr> <td>Có tổng hợp</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </table> <p data-bbox="252 331 1144 443">3.2.2.4.2 Phát hiện các sơ hở, bất cập về cơ chế, chính sách trong quản lý làm phát sinh các sai phạm, tham nhũng tại địa phương và đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="347 459 839 741"> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> <tr> <td>Nêu rõ các sơ hở, bất cập của cơ chế xử lý các hành vi tham nhũng và có các giải pháp khắc phục</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có tổng hợp	1	Không có nội dung này	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Nêu rõ các sơ hở, bất cập của cơ chế xử lý các hành vi tham nhũng và có các giải pháp khắc phục	1	Không có nội dung này	0	1		
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
Có tổng hợp	1															
Không có nội dung này	0															
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
Nêu rõ các sơ hở, bất cập của cơ chế xử lý các hành vi tham nhũng và có các giải pháp khắc phục	1															
Không có nội dung này	0															
3.3 Phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng		8														
3.3.1 Việc giải quyết tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền		1														
	<p data-bbox="252 965 1144 1037">Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong công tác giải quyết các đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền. Tiêu chí được tính như sau:</p> $ \text{Tỷ lệ giải quyết đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền} = \frac{\text{Tổng số đơn tố cáo tham nhũng đã giải quyết}}{\text{Tổng số đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền}} \times 100\% $ <p data-bbox="252 1211 464 1245">Cách tính điểm như sau:</p>		Các quyết định thụ lý giải quyết đơn tố cáo													

		Tỷ lệ	Điểm số			
		Từ 80% đến 100%	1			
		Từ 60% đến dưới 80%	0.8			
		Từ 40% đến dưới 60%	0.6			
		Từ 20% đến dưới 40%	0.4			
		Dưới 20%	0			
<p><i>Ví dụ:</i> UBND tỉnh A và các cơ quan đơn vị Trực thuộc có 150 đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết và mới chỉ có 100 đơn được thụ lý giải quyết trong năm 2016. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:</p> $\text{Tỷ lệ giải quyết đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền} = \frac{100}{150} \times 100\% = 66.67\%$ <p>Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 0.8 điểm ở nội dung này.</p>						
3.3.2 Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền				2		
<p>Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong việc phát hiện các hành vi tham nhũng thông qua công tác giải quyết các đơn tố cáo tham nhũng. Tiêu chí được đánh giá như sau:</p> $\text{Tỷ lệ phát hiện tham nhũng qua giải quyết tố cáo tham nhũng} = \frac{\text{Số vụ việc tham nhũng được phát hiện qua giải quyết tố cáo tham nhũng}}{\text{Tổng số đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền đã được giải quyết}} \times 100\%$					Các kết luận giải quyết tố cáo tham nhũng	

<p>Tỷ lệ phát hiện tham nhũng qua giải quyết tố cáo tham nhũng được đánh giá và chấm điểm theo tỷ lệ tương ứng như sau:</p> <table border="1" data-bbox="464 230 802 651"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>1.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>1.2</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p><i>Ví dụ:</i> UBND tỉnh B có 150 đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền đã giải quyết và mới chỉ có 100 đơn được thụ lý giải quyết trong năm 2016, trong đó có phát hiện được 21 vụ việc tham nhũng. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:</p> $\text{Tỷ lệ giải quyết đơn tố cáo tham nhũng thuộc thẩm quyền} = \frac{21}{100} \times 100\% = 21\%$ <p>Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 0.8 điểm ở nội dung này.</p>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	2	Từ 60% đến dưới 80%	1.6	Từ 40% đến dưới 60%	1.2	Từ 20% đến dưới 40%	0.8	Dưới 20%	0			
Tỷ lệ	Điểm số														
Từ 80% đến 100%	2														
Từ 60% đến dưới 80%	1.6														
Từ 40% đến dưới 60%	1.2														
Từ 20% đến dưới 40%	0.8														
Dưới 20%	0														
<p>3.3.3 Khuyến khích, bảo vệ người tố cáo tham nhũng</p>	2														
<p>Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong việc khuyến khích và bảo vệ người đơn tố cáo tham nhũng. Nếu địa phương có cơ chế bảo vệ người tố cáo chi tiết, hiệu quả hơn những quy định đã có của pháp luật thì được tính 2 điểm. Cơ chế bảo vệ người tố cáo phải thỏa mãn những điều kiện sau:</p>		<p>Các văn bản, tài liệu chứng minh nội dung này của UBND cấp tỉnh</p>													

	<p>- Có các quy định rõ ràng về việc khuyến khích người dân tố cáo tham nhũng và bảo đảm bảo vệ họ khi tố cáo. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="352 237 845 454"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có quy định rõ ràng, cụ thể</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Có tính hiệu quả, tính thực tiễn áp dụng tại địa phương. Khung điểm của nội dung này là từ 0 đến 1 điểm. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="352 557 845 801"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Có tính hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Không có nội dung này</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có quy định rõ ràng, cụ thể	1	Không có nội dung này	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Có tính hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng	1	Không có nội dung này	0	1		
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
Có quy định rõ ràng, cụ thể	1															
Không có nội dung này	0															
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
Có tính hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng	1															
Không có nội dung này	0															
3.3.4 Khen thưởng người tố cáo hành vi tham nhũng		3														
	<p>Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực của địa phương trong việc khuyến khích người dân tham gia công cuộc chống tham nhũng nói chung và thể hiện quyết tâm của địa phương trong công tác PCTN. Nội dung này được tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="352 1016 845 1229"> <thead> <tr> <th>Mức độ hoàn thành</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đã khen thưởng</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Không khen thưởng</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Đã khen thưởng	3	Không khen thưởng	0	2	Các văn bản chứng minh nội dung, danh sách người được khen thưởng							
Mức độ hoàn thành	Điểm số															
Đã khen thưởng	3															
Không khen thưởng	0															
3.4 Phát hiện các hành vi tham nhũng qua công tác điều tra		6														

Nội dung này nhằm đánh giá nỗ lực chống tham nhũng của địa phương qua công tác điều tra các vụ việc tham nhũng. Cách tính điểm của chỉ tiêu này như sau:

$$\text{Tỷ lệ số vụ việc tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra trong năm} = \frac{\text{Số vụ việc tham nhũng chuyển cơ quan điều tra của các đơn vị trực thuộc UBND}}{\text{Tổng số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được xử lý}} \times 100\%$$

Tỷ lệ số vụ án tham nhũng được phát hiện qua công tác điều tra được đánh giá và chấm điểm theo tỷ lệ tương ứng như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	6
Từ 60% đến dưới 80%	4
Từ 40% đến dưới 60%	2
Từ 20% đến dưới 40%	1
Dưới 20%	0

Ví dụ: UBND tỉnh B có 12 số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được xử lý, trong đó có 10 vụ việc tham nhũng chuyển cơ quan điều tra của các đơn vị trực thuộc UBND. Như vậy điểm số sẽ được tính như sau:

$$\text{Tỷ lệ số vụ việc tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra trong năm} = \frac{10}{12} \times 100\% = 83\%$$

6

Các văn bản chứng minh nội dung

<table border="1"> <tr> <td data-bbox="344 107 715 253">Nêu rõ các hành động để xử lý triệt để các hành vi tham nhũng đã phát hiện được</td> <td data-bbox="715 107 834 253">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="344 253 715 324">Không nội dung này</td> <td data-bbox="715 253 834 324">0</td> </tr> </table> <p data-bbox="248 338 1137 405">- Xây dựng các phương án khắc phục hậu quả các vụ việc tham nhũng đã xảy ra. Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="344 427 715 499">Mức độ hoàn thành</th> <th data-bbox="715 427 834 499">Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="344 499 715 607">Nêu rõ các phương án khắc phục hậu quả các vụ việc tham nhũng đã xảy ra</td> <td data-bbox="715 499 834 607">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="344 607 715 678">Không nội dung này</td> <td data-bbox="715 607 834 678">0</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="248 689 1137 763">Các văn bản thể hiện sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý các hành vi tham nhũng phải thỏa mãn các nội dung trên, thiếu nội dung nào thì sẽ không được tính điểm nội dung đó.</p>	Nêu rõ các hành động để xử lý triệt để các hành vi tham nhũng đã phát hiện được	1	Không nội dung này	0	Mức độ hoàn thành	Điểm số	Nêu rõ các phương án khắc phục hậu quả các vụ việc tham nhũng đã xảy ra	1	Không nội dung này	0	1		
Nêu rõ các hành động để xử lý triệt để các hành vi tham nhũng đã phát hiện được	1												
Không nội dung này	0												
Mức độ hoàn thành	Điểm số												
Nêu rõ các phương án khắc phục hậu quả các vụ việc tham nhũng đã xảy ra	1												
Không nội dung này	0												
4.2 Xử lý các hành vi tham nhũng	21												
4.2.1 Xử lý người đứng đầu	5												

4.2.1.1 Xử lý kỷ luật người đứng đầu

Nội dung này nhằm đánh giá thái độ kiên quyết xử lý người đứng đầu khi đề xảy ra vụ việc tham nhũng tại đơn vị mình quản lý. Cách tính điểm điểm như sau:

$$\text{Tỷ lệ người đứng đầu bị xử lý kỷ luật} = \frac{\text{Số người đứng đầu đã bị xử lý hành chính}}{\text{Số người đứng đầu bị xem xét xử lý trách nhiệm}} \times 100\%$$

Tỷ lệ số người đứng đầu bị xử lý bị kỷ luật được đánh giá và chấm điểm theo tỷ lệ tương ứng như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	2
Từ 60% đến dưới 80%	1.6
Từ 40% đến dưới 60%	1.2
Từ 20% đến dưới 40%	0.8
Dưới 20%	0.4

Ví dụ: UBND tỉnh C có 05/21 cơ quan bị phát hiện có vụ việc tham nhũng. UBND tỉnh đã có xử lý kỷ luật với 03 người đứng đầu do đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng. Cách tính điểm như sau:

$$\text{Tỷ lệ người đứng đầu bị xem xét xử lý trách nhiệm} = \frac{3}{5} = 0.6$$

Như vậy, UBND cấp tỉnh đạt được 1.2 điểm ở nội dung này.

4.2.1.2 Chuyển xử lý hình sự người đứng đầu

2

Các văn bản chứng minh nội dung

	<p>Tiêu chí này được tính điểm điểm như sau:</p> $\text{Tỷ lệ số người đứng đầu bị chuyển xử lý hình sự} = \frac{\text{Số người đứng đầu đã bị chuyển xử lý hình sự}}{\text{Số người đứng đầu bị xem xét xử lý trách nhiệm}} \times 100\%$ <table border="1" data-bbox="470 405 805 819"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>2.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>1.5</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>1</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	3	Từ 60% đến dưới 80%	2.5	Từ 40% đến dưới 60%	2	Từ 20% đến dưới 40%	1.5	Dưới 20%	1	3		
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	3															
Từ 60% đến dưới 80%	2.5															
Từ 40% đến dưới 60%	2															
Từ 20% đến dưới 40%	1.5															
Dưới 20%	1															
4.2.2 Xử lý các hành vi tham nhũng		16														
	<p>4.2.2.1 Xử lý hành chính</p> <p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng của địa phương, trong đó có việc xử lý người có hành vi tham nhũng và tài sản bị tham nhũng.</p> <p>Nội dung này được tính điểm như sau:</p> $\text{Tỷ lệ số người có hành vi tham nhũng bị xử lý hành chính} = \frac{\text{Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý hành chính}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng}} \times 100\%$	4	Các văn bản chứng minh nội dung													

	<p>chính</p> <p>Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện</p> <p>Tỷ lệ số người bị xử lý kỷ luật vì có hành vi tham nhũng được đánh giá và chấm điểm theo tỷ lệ tương ứng như sau:</p> <table border="1" data-bbox="483 286 817 698"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	4	Từ 60% đến dưới 80%	3	Từ 40% đến dưới 60%	2	Từ 20% đến dưới 40%	1	Dưới 20%	0			
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	4															
Từ 60% đến dưới 80%	3															
Từ 40% đến dưới 60%	2															
Từ 20% đến dưới 40%	1															
Dưới 20%	0															
	<p>4.2.2.2 Chuyển xử lý hình sự</p> <p>Nội dung này nhằm đánh giá kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng của địa phương, trong đó có việc xử lý người có hành vi tham nhũng và tài sản bị tham nhũng.</p> <p>Nội dung này được tính điểm như sau:</p> $\text{Số người có hành vi tham nhũng bị chuyển xử lý hình sự} = \frac{\text{Số người đã bị chuyển xử lý hình sự}}{\text{Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1" data-bbox="483 1122 817 1256"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>6</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	6	6	Các văn bản chứng minh nội dung									
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% đến 100%	6															

		Từ 60% đến dưới 80%	5															
		Từ 40% đến dưới 60%	4															
		Từ 20% đến dưới 40%	3															
		Dưới 20%	0															
	<p>4.2.2.3 Xử lý về kinh tế</p> <p>Nội dung này nhằm đánh giá hiệu quả của địa phương trong việc thu hồi các tài sản bị tham nhũng. Nội dung này sẽ được tính điểm theo 02 công thức sau:</p> <p>4.2.2.3.1 Tỷ lệ tiền và tương đương tiền thu hồi được:</p> $\text{Tỷ lệ tiền và tương đương tiền đã thu hồi được} = \frac{\text{Số tiền đã thu hồi được}}{\text{Số tiền đã bị tham nhũng phải thu hồi}} \times 100\%$ <p>Cách tính điểm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% đến 100%</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>2.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>1.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>1.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% đến 100%	3	Từ 60% đến dưới 80%	2.4	Từ 40% đến dưới 60%	1.8	Từ 20% đến dưới 40%	1.2	Dưới 20%	0			6	3	Các văn bản chứng minh nội dung
Tỷ lệ	Điểm số																	
Từ 80% đến 100%	3																	
Từ 60% đến dưới 80%	2.4																	
Từ 40% đến dưới 60%	1.8																	
Từ 20% đến dưới 40%	1.2																	
Dưới 20%	0																	

4.2.2.3.2 Tỷ lệ đất đai đã thu hồi được:

$$\text{Tỷ lệ đất đai đã thu hồi được} = \frac{\text{Diện tích đất đai đã thu hồi được}}{\text{Diện tích đất đai bị tham nhũng phải thu hồi}} \times 100\%$$

Cách tính điểm như sau:

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% đến 100%	3
Từ 60% đến dưới 80%	2.4
Từ 40% đến dưới 60%	1.8
Từ 20% đến dưới 40%	1.2
Dưới 20%	0

3